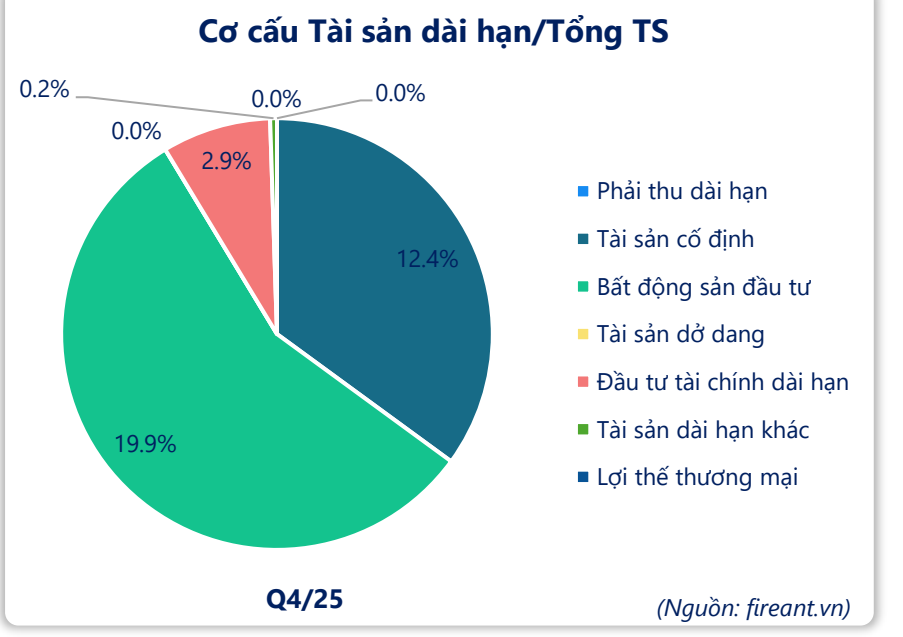
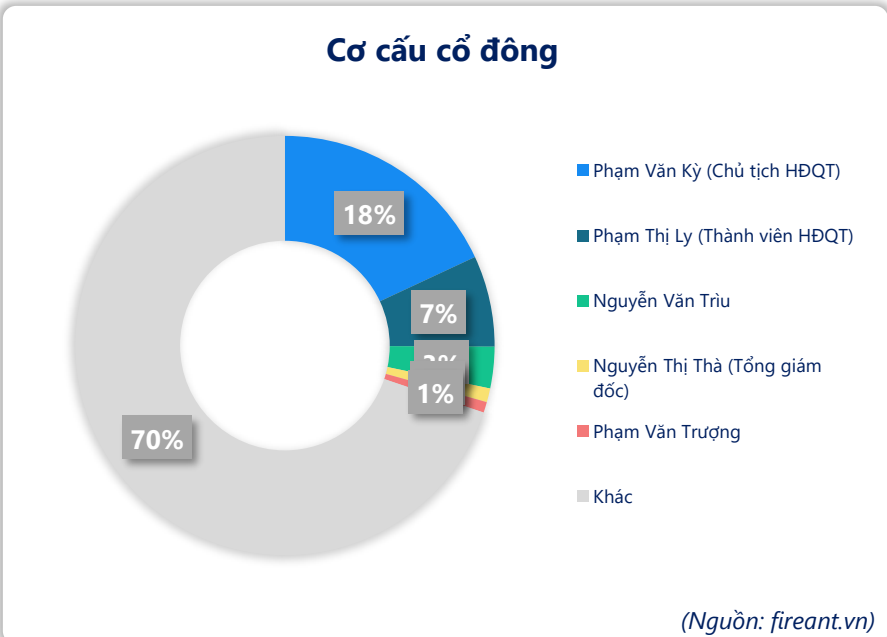
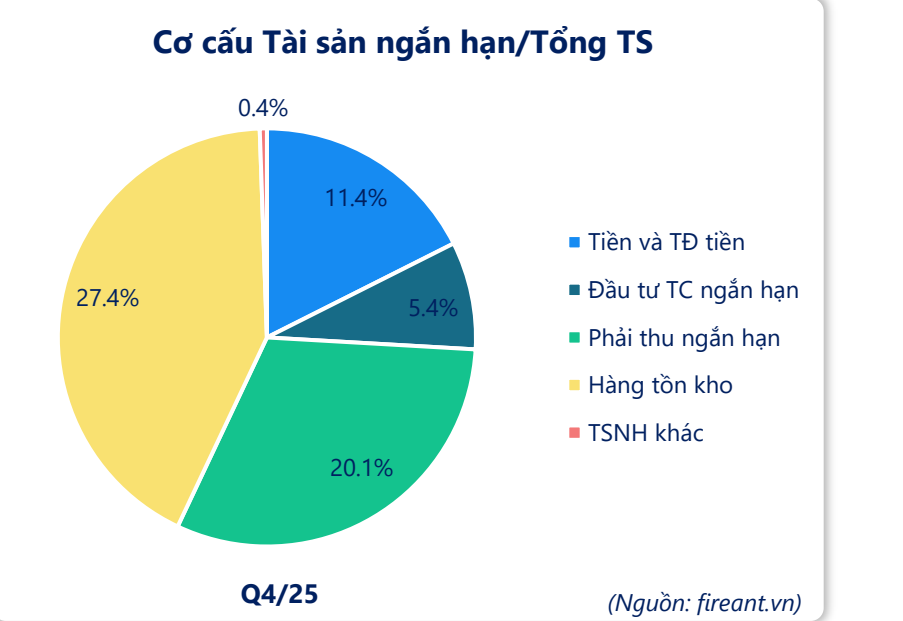
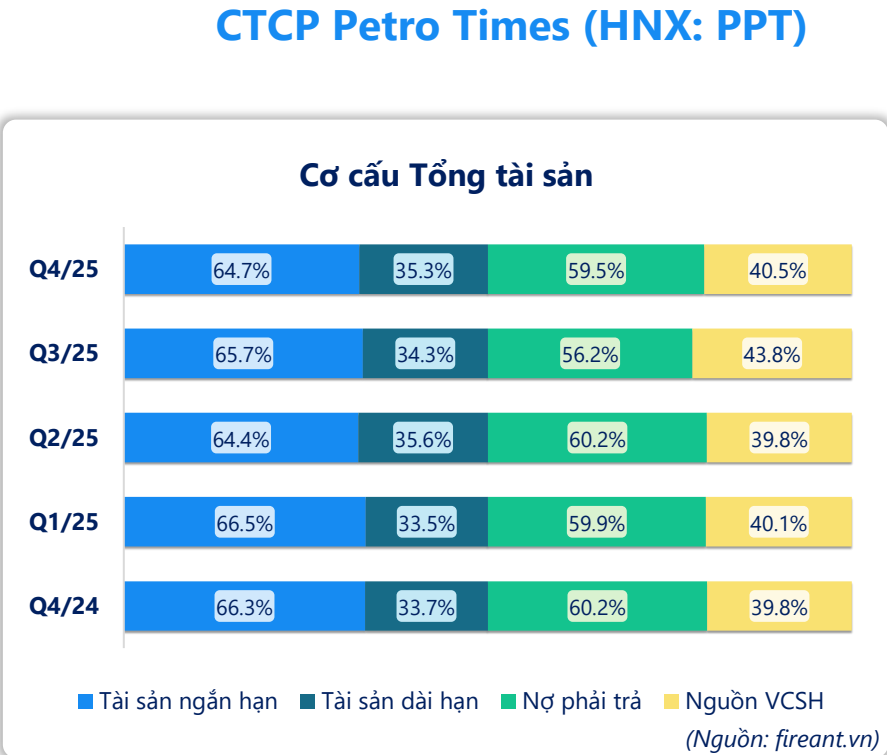
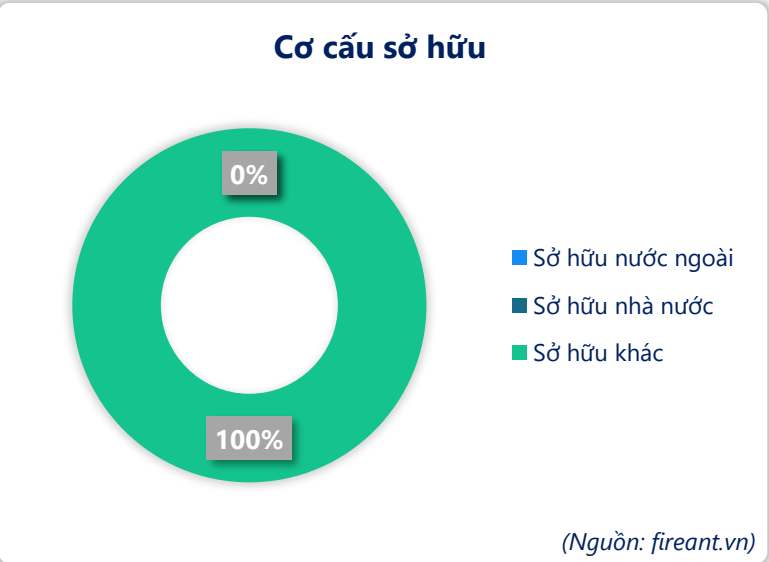
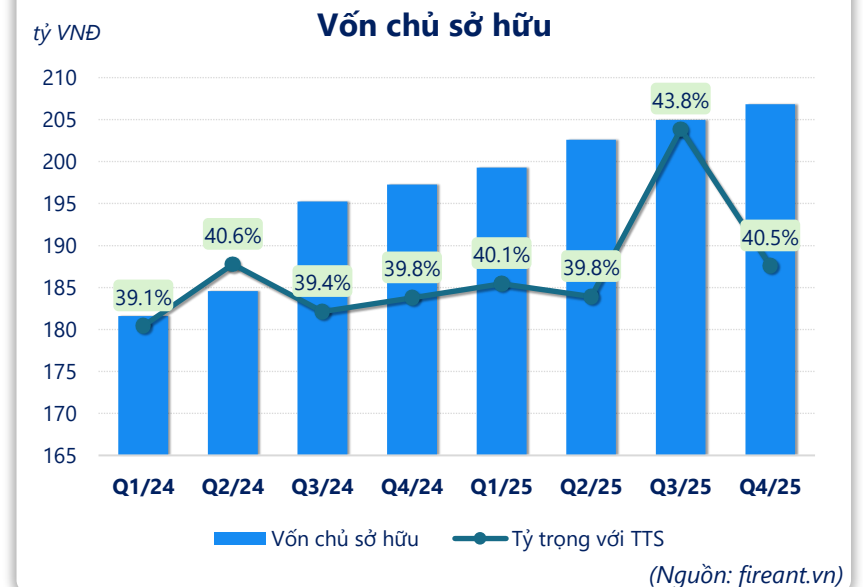
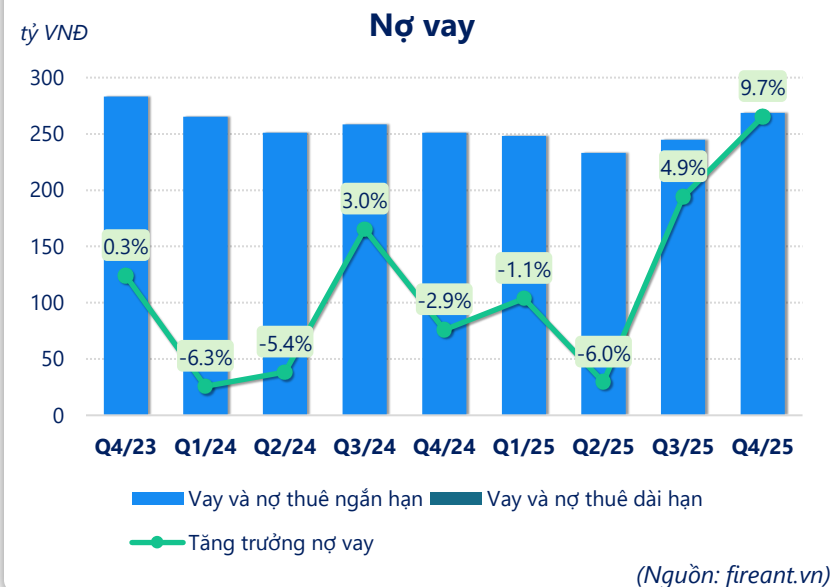
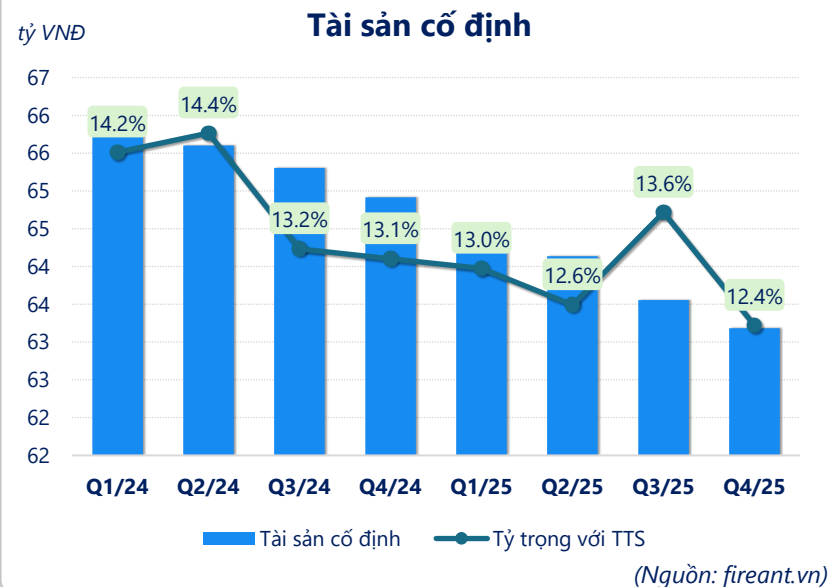
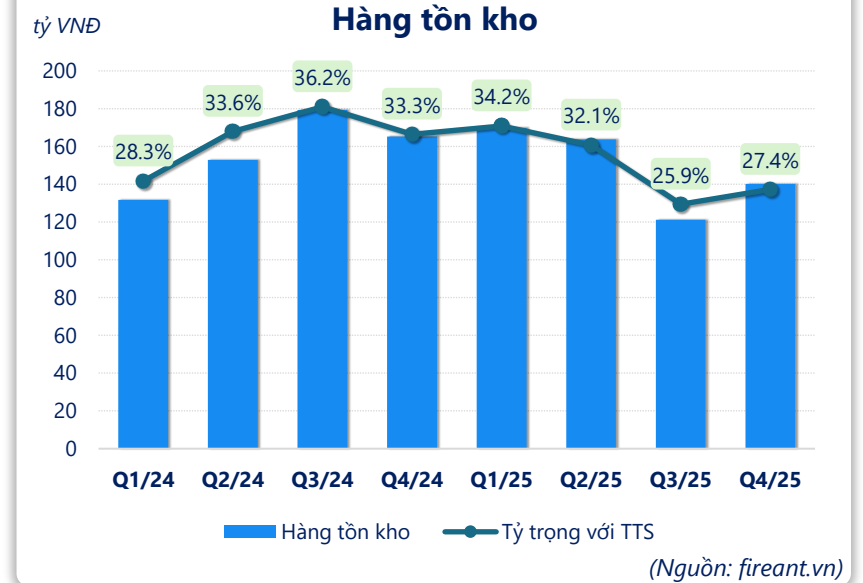
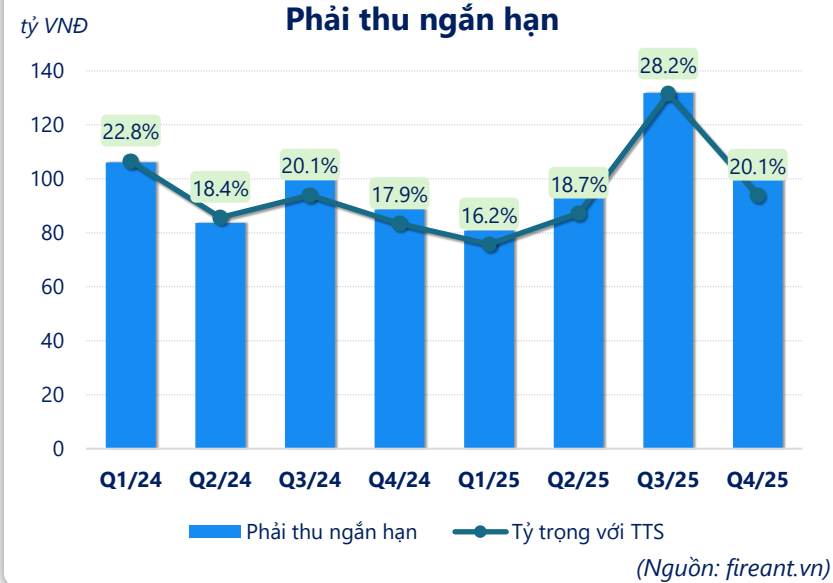
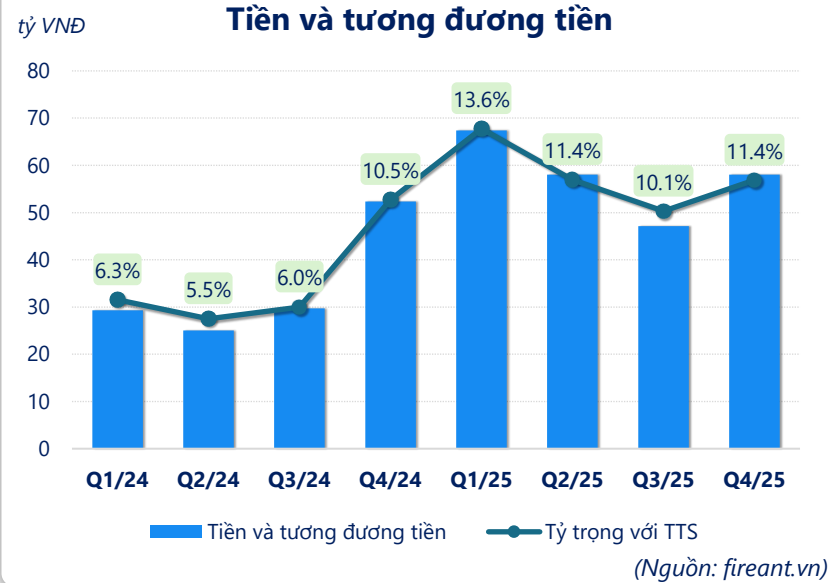
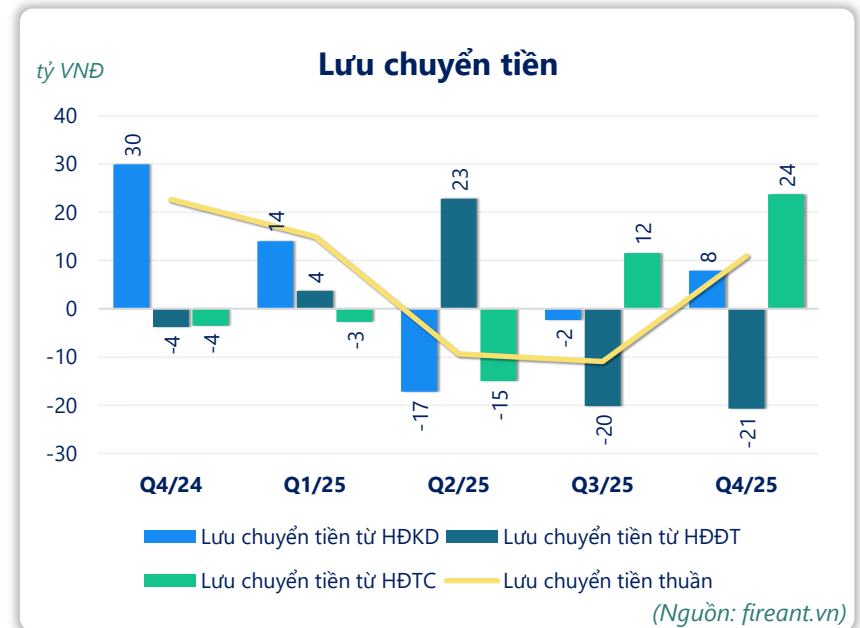
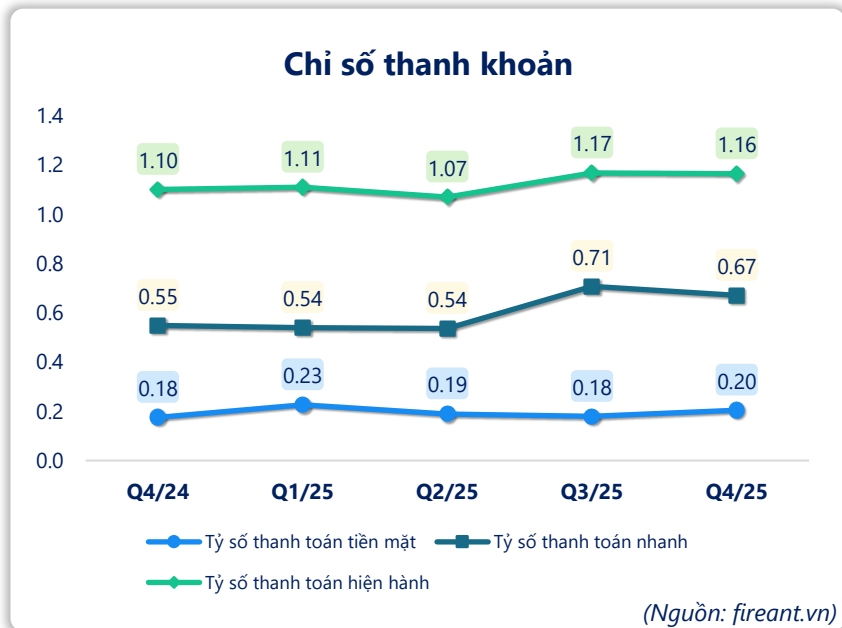
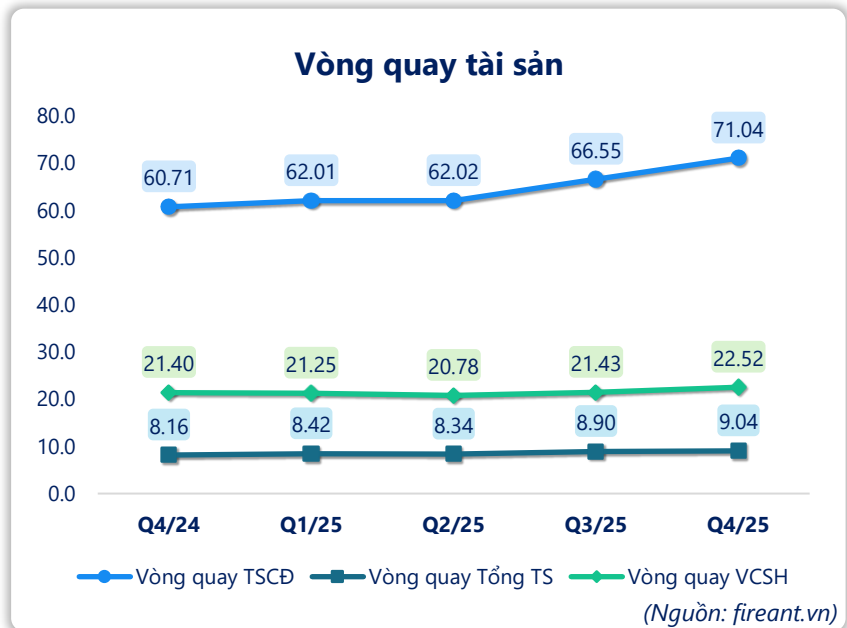
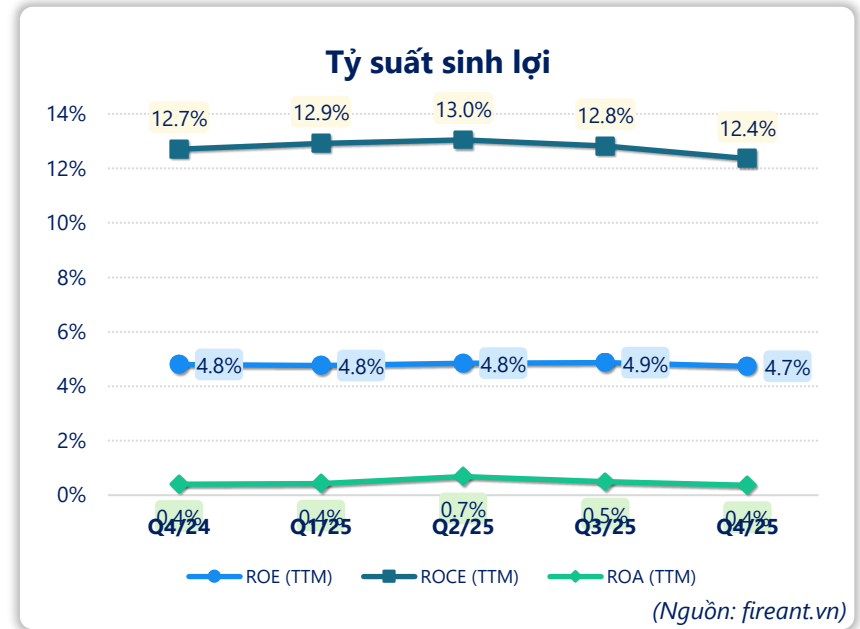
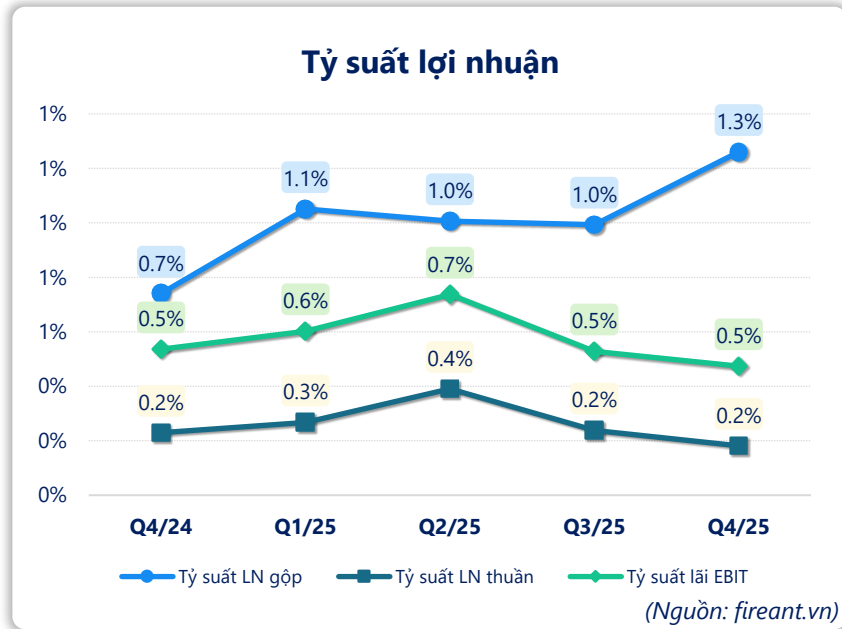
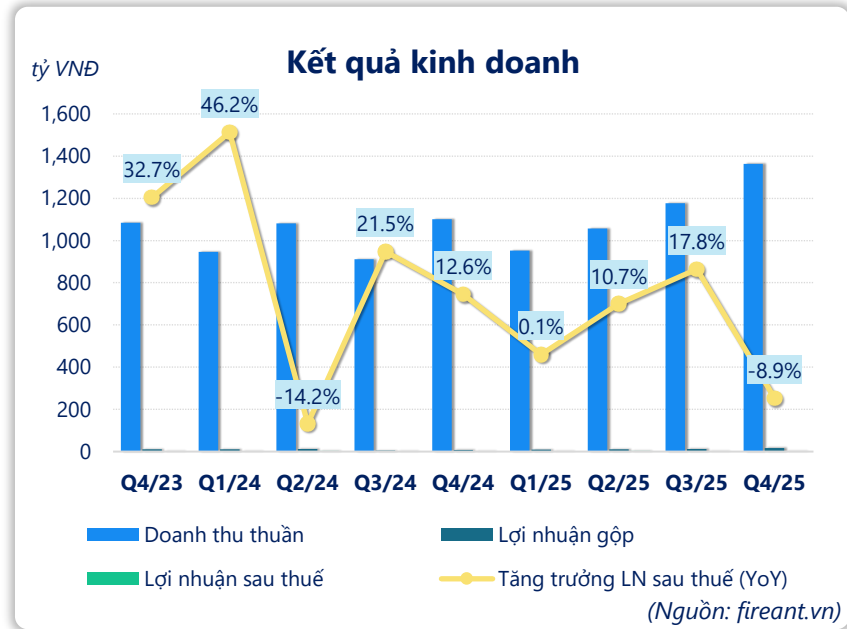


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		15,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,574
SL cổ phiếu LH		19,644,923
KLGD BQ 20 phiên (CP)		226,575
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		299
P/E		31.2
EPS		487

	YTD	1T	3T	6T
PPT	23.4%	0.7%	10.9%	12.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	511	496	2.9%
Tài sản ngắn hạn	330	329	0.3%
Tiền và tương đương tiền	58.0	52.4	10.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	27.5	16.2	69.9%
Phải thu ngắn hạn	103	88.2	16.5%
Hàng tồn kho	140	166	-15.4%
Tài sản ngắn hạn khác	1.82	6.68	-72.8%
Tài sản dài hạn	180	167	7.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	63.2	64.9	-2.7%
Bất động sản đầu tư	101	102	-0.1%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	14.7	0	
Tài sản dài hạn khác	0.92	0.67	36.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	304	299	1.6%
Nợ ngắn hạn	284	299	-5.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	269	251	7.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.00	36.7	-97.3%
Nợ dài hạn	20.0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	207	197	4.8%
Vốn chủ sở hữu	207	197	4.8%
Vốn điều lệ	196	182	8.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,102	952	1,057	1,177	1,364
Giá vốn hàng bán	1,093	942	1,047	1,165	1,346
Lợi nhuận gộp	8.16	10.0	10.6	11.7	17.2
Doanh thu HĐTC	3.23	0.27	3.48	0.08	0.31
Chi phí TC	3.41	3.23	3.72	3.24	7.05
Chi phí lãi vay	3.37	3.19	3.66	3.24	4.16
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.89	3.51	4.90	4.69	5.73
Chi phí QLDN	1.56	0.98	1.37	1.05	2.25
LN thuần từ HĐKD	2.53	2.55	4.13	2.80	2.47
Lợi nhuận khác	0.00	0	0	0.17	-0.17
LN trước thuế	2.53	2.55	4.13	2.98	2.30
Lợi nhuận sau thuế	2.02	2.04	3.30	2.38	1.84
LNST của CĐ cty mẹ	2.02	2.04	3.30	2.38	1.84

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	29.9	14.0	-17.2	-2.31	7.91
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.77	3.73	22.8	-20.2	-20.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.50	-2.71	-15.0	11.5	23.7
Tiền đầu kỳ	29.7	52.4	67.4	58.0	47.1
Lưu chuyển tiền thuần	22.6	15.0	-9.33	-10.9	11.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	52.4	67.4	58.0	47.1	58.0

(Nguồn: fireant.vn)